

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19.3.2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Yến Trinh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Quốc Thịnh**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 537/2019/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST – HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lý Thị L**, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An

- *Bị đơn:* Ông **Trương Thành Đ**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp 2, xã P, huyện C, tỉnh Long An

(*Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/11/2019 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Lý Thị L trình bày như sau: Bà và ông Đ cưới nhau năm 1987, hôn nhân do mai mối, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/1987 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 1988 sau khi con bà về bên nhà cha mẹ ruột ở cũ thì ông Đ có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác nên sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lý Thị Thu H, sinh ngày 09/7/1988 đã trưởng thành.

Về chia tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn ông Trương Thành Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Đ vẫn không đến tham gia phiên hòa giải và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trương Thành Đ nhưng ông Đ không đến tham dự phiên tòa mà không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Lý Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Thành Đ là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.2] Bà L và ông Đ cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/3/1987 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa bà L yêu cầu được ly hôn với ông Đ vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể giải quyết để tiếp tục chung sống hạnh phúc và vợ chồng sống ly thân đã lâu nên tình cảm cũng không còn.

[2.3] Xét thấy ông Trương Thành Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham dự phiên tòa từ đó cho thấy ông Đ không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà L để vợ chồng quay về tiếp tục chung sống, hơn nữa vợ chồng bà L và ông Đ sống ly thân đã lâu tình cảm cũng không còn do đó áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lý Thị L được ly hôn với ông Trương Thành Đ.

[2.4] Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Lý Thị Thu H, sinh ngày 09/7/1988 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[2.5] Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lý Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Lý Thị L được ly hôn với ông Trương Thành Đ.

2. Về án phí: Bà Lý Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0001934 ngày 28/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Đ quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

TRẦN THỊ YẾN TRINH

**Thành Viên
Hội Đồng Xét Xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yên Trinh

